

Phụ lục III:
DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI CHUYÊN MÔN NĂM 2025 VÀ NĂM 2024
CHUYỂN SANG NĂM 2025 SỬ DỤNG

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Nội dung hoạt động	Dự toán năm 2024 chuyển sang năm 2025	Dự toán năm 2025	KP cấp bổ sung từ nguồn CTMTYTDS chuyển thành NVTX của NSDP	Tổng cộng KP được sử dụng năm 2025	Kinh phí sau điều chỉnh
A	KINH PHÍ TỰ CHỦ	1.790.881,6	2.452.820,0		4.243.701,6	4.243.701,6
1	Kinh phí tiêm chủng mở rộng	434.048,8	200.000,0		634.048,8	578.048,8
	Tập huấn về công tác quản lý cho tuyến huyện, thị xã, thành phố 01 lớp tại tỉnh		7.000,0		7.000,0	7.000,0
	Chi phụ cấp lưu trú, phòng nghỉ, xăng xe, phí cầu đường (nếu đi xe cơ quan), phương tiện vận chuyển, tàu xe các lớp hội thảo, tập huấn liên quan đến tiêm chủng mở rộng cho cán bộ tuyến tỉnh (do các đơn vị tuyến trên tổ chức ngoại tỉnh).		25.000,0		25.000,0	25.000,0
	Chi ngoài giờ (thứ 7, chủ nhật, lễ, tết) theo dõi vắc xin tại Kho đơn vị và công việc liên quan đến tiêm chủng mở rộng như (giám sát buổi tiêm chủng, hỗ trợ chuyên môn cho tuyến huyện, thị xã, thành phố, tổng hợp báo cáo, báo cáo khẩn...)	25.000,0	34.000,0		59.000,0	59.000,0
	Tập huấn các qui định về tiêm chủng, an toàn tiêm chủng cho tuyến xã, phường, thị trấn (tiền giảng viên, photo tài liệu, giấy chứng nhận, xăng xe, công tác phí)		25.000,0		25.000,0	25.000,0
	Chi giám sát điều tra những trường hợp nghi sởi - rubella, nghi uốn ván sơ sinh, nghi viêm não Nhật Bản, chết sơ sinh (tiền giám sát/phiếu điều tra, công tác phí trên 10km, tiền ngoài giờ (thứ 7, chủ nhật, lễ, tết)		61.000,0		61.000,0	5.000,0
	Giám sát công tác tiêm chủng (công tác phí, xăng xe)		38.000,0		38.000,0	38.000,0

STT	Nội dung hoạt động	Dự toán năm 2024 chuyển sang năm 2025	Dự toán năm 2025	KP cấp bổ sung từ nguồn CTMTYTDS chuyển thành NVTX của NSDP	Tổng cộng KP được sử dụng năm 2025	Kinh phí sau điều chỉnh
	Thuê xe, xăng xe, phí cầu đường, công tác phí vận chuyển vắc xin, vật tư từ Viện Pasteur Nha Trang về kho TTKSBT 39 Hoàng Văn Thụ, phường Nha Trang và 47 Lê Hồng Phong, phường Phan Rang		5.000,0		5.000,0	10.000,0
	Sửa chữa trang thiết bị dây chuyền lạnh, điện bảo quản vắc xin		5.000,0		5.000,0	-
	Chi mua vật tư tiêm chủng (bơm kim tiêm, thiết bị theo dõi tủ lạnh, chỉ thị theo dõi nhiệt độ đông băng điện tử, mua vật tư tiêu hao (bông, cồn) và In ấn sổ sách, biểu mẫu phục vụ tiêm chủng	409.048,8			409.048,8	409.048,8
2	Kinh phí phòng, chống bệnh tim mạch, đái tháo đường và các rối loạn do thiếu I ốt		149.000,0		149.000,0	149.000,0
a	<i>Phòng chống bệnh tăng huyết áp</i>		55.000,0		55.000,0	57.045,0
	Tập huấn nâng cao năng lực về chẩn đoán, điều trị, quản lý bệnh không lây nhiễm cho cán bộ Y tế (8 lớp)	-	35.000,0		35.000,0	37.165,0
	In băng rôn “Ngày Thế giới phòng chống tăng huyết áp 17/5” (3 cái * 300.000đ/cái)	-	900,0		900,0	810,0
	Tổ chức 5 buổi truyền thông phòng chống bệnh không lây nhiễm cho học sinh (mỗi buổi 300 người/buổi)	-	4.100,0		4.100,0	6.670,0
	Kiểm tra, giám sát các hoạt động chương trình; Hỗ trợ các đơn vị trong công tác khám sàng lọc THA	-	15.000,0		15.000,0	12.400,0
b	<i>Phòng chống bệnh đái tháo đường và các rối loạn do thiếu I ốt</i>	-	91.000,0		91.000,0	89.055,0
-	<i>Phòng chống bệnh đái tháo đường</i>		58.200,0		58.200,0	56.255,0
	In băng rôn ĐTĐ (hưởng ứng ngày Thế giới PC đái tháo đường (14/11) và toàn dân mua và sử dụng muối I ốt 2/11) (6 cái * 300.000đ/cái)	-	1.800,0		1.800,0	1.620,0

STT	Nội dung hoạt động	Dự toán năm 2024 chuyển sang năm 2025	Dự toán năm 2025	KP cấp bổ sung từ nguồn CTMTYTDS chuyển thành NVTX của NSDP	Tổng cộng KP được sử dụng năm 2025	Kinh phí sau điều chỉnh
	Tổ chức 5 buổi truyền thông phòng chống bệnh không lây nhiễm cho công nhân tại công ty (mỗi buổi: 300 người/buổi)	-	8.400,0		8.400,0	7.739,0
	Kiểm tra, giám sát các hoạt động chương trình ĐTDĐ; Hỗ trợ các đơn vị trong công tác khám sàng lọc chương trình ĐTDĐ	-	9.000,0		9.000,0	10.710,0
	Tập huấn nâng cao năng lực về chẩn đoán, điều trị, quản lý bệnh đái tháo đường (8 lớp)		39.000,0		39.000,0	36.186,0
-	Phòng chống các rối loạn do thiếu I ốt (Khám bướu cổ học sinh và điều tra muối tại hộ gia đình)		32.800,0		32.800,0	32.800,0
	Khám bướu cổ và điều tra muối tại hộ gia đình (Mua muối, in danh sách khám bướu cổ, phiếu điều tra muối, bì nilon, dây thun, bút viết, phiếu báo cáo kết quả khám Bướu cổ...)		2.100		2.100,0	2.100,0
	Chi hỗ trợ cán bộ khám bướu cổ và điều tra muối (công tác khám, công xét nghiệm mẫu muối, công tác phí...)		19.080		19.080,0	19.080,0
	Chi khác: Xăng xe, phí cầu đường...		11.620		11.620,0	11.620,0
c	Chi các hoạt động khác: Giám sát, truyền thông, hội nghị, tập huấn, công tác phí, xăng xe, phối hợp (các dự án Bộ Y tế, Cục Y tế, Viện Pasteur, WHO...) của chương trình phòng chống bệnh tim mạch, đái tháo đường và các rối loạn do thiếu I ốt.		3.000,0		3.000,0	2.900,0
3	Kinh phí phòng chống HIV/AIDS		350.275,0		350.275,0	142.375,0
a	Hoạt động Dự phòng và can thiệp giảm tác hại		270.000,0		270.000,0	103.500,0
	Hợp đồng với các ban, ngành, đoàn thể thực hiện hoạt động truyền thông PC HIV/AIDS theo chức năng nhiệm vụ.		190.000,0		190.000,0	49.000,0
	Truyền thông PC HIV/AIDS cho học sinh, sinh viên các trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.		30.000,0		30.000,0	4.500,0

STT	Nội dung hoạt động	Dự toán năm 2024 chuyển sang năm 2025	Dự toán năm 2025	KP cấp bổ sung từ nguồn CTMTYTDS chuyển thành NVTX của NSDP	Tổng cộng KP được sử dụng năm 2025	Kinh phí sau điều chỉnh
	Thực hiện phóng sự về tuyên truyền phòng, chống HIV/AIDS.		22.500,0		22.500,0	22.500,0
	Chi công tác thông tin giáo dục truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS trên các phương tiện thông tin đại chúng.		27.500,0		27.500,0	27.500,0
	<i>- Phát sóng thông điệp Tháng chiến dịch truyền thông trên Đài Phát thanh truyền hình Khánh Hòa (Tháng hành động quốc gia PC HIV/AIDS - Ngày 01/12)</i>		15.000,0		15.000,0	15.000,0
	<i>- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức phòng chống HIV/AIDS trên Báo Khánh Hòa</i>		12.500,0		12.500,0	12.500,0
b	Tư vấn xét nghiệm và giám sát dịch HIV/AIDS		36.400,0		36.400,0	15.000,0
	Chi cho CBYT làm công tác tư vấn cho đối tượng nguy cơ cao lây truyền HIV/AIDS, điều trị Methadone (06 người * 500.000đ/người*12 tháng)		36.000,0		36.000,0	15.000,0
	Chi tiền công lấy mẫu XN HIV		400,0		400,0	-
c	Nâng cao năng lực hệ thống phòng, chống HIV/AIDS		30.000,0		30.000,0	10.000,0
	Tập huấn can thiệp giảm tác hại phòng lây nhiễm HIV cho cán bộ y tế cơ sở, nhân viên tiếp cận cộng đồng, các đối tượng nguy cơ cao của dự án (TCMT, PNBD, MSM)... (01 lớp)		10.000,0		10.000,0	-
	Khác (In, cấp thẻ cho nhân viên tiếp cận cộng đồng PC HIV/AIDS, kiểm tra, đánh giá, theo dõi, giám sát,...)		20.000,0		20.000,0	10.000,0
d	Mua sinh phẩm XN HIV, BKT và các vật dụng phục vụ dự phòng lây nhiễm HIV		13.875,0		13.875,0	13.875,0
4	Kinh phí truyền thông GDSK	70.476,3	550.000,0		620.476,3	620.476,2
a	<i>Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng</i>		<i>50.000,0</i>		<i>50.000,0</i>	<i>50.000,0</i>
	- Tuyên truyền các chuyên đề phòng chống dịch bệnh trên Báo Khánh Hòa (theo thời điểm trong năm) (12 bài * 2.500.000 đ/bài)		30.000,0		30.000,0	30.000,0

STT	Nội dung hoạt động	Dự toán năm 2024 chuyển sang năm 2025	Dự toán năm 2025	KP cấp bổ sung từ nguồn CTMTYTDS chuyển thành NVTX của NSDP	Tổng cộng KP được sử dụng năm 2025	Kinh phí sau điều chỉnh
	- Tuyên truyền các thành tựu và ngành y tế trên Báo Xuân Khánh Hòa (02 bài * 10.000.000 đ/bài)		20.000,0		20.000,0	20.000,0
b	In tài liệu truyền thông		18.000,0		18.000,0	18.000,0
	In tờ rơi (12.000 tờ * 1.500đ/tờ)		18.000,0		18.000,0	18.000,0
c	Thực hiện Phóng sự		90.000,0		90.000,0	85.000,0
	Thực hiện và phát sóng Phóng sự 20 phút về phòng chống dịch bệnh; tổng kết hoạt động ngành trên Đài phát thanh truyền hình Khánh Hòa (02 phóng sự * 45.000.000đ/PS)		90.000,0		90.000,0	85.000,0
d	Bản tin giáo dục sức khỏe: 420 cuốn/kỳ x 6 kỳ x 36.000đ/cuốn		90.720,0		90.720,0	74.000,0
đ	Chi phí nhuận bút, gửi bản tin, trang web...		249.000,0		249.000,0	249.000,0
	Gửi bản tin, tài liệu truyền thông qua bưu điện (6 lần*2.500.000đ/lần)		15.000,0		15.000,0	15.000,0
	Chi nhuận bút và Ban biên tập Bản tin GDSK và website (18 số/tháng*13.000.000đ)		234.000,0		234.000,0	234.000,0
e	Thuê dịch vụ máy chủ lưu trữ đám mây để duy trì hoạt động website (1 năm * 15.271.000)		15.271,0		15.271,0	15.271,0
	Thuê dịch vụ máy chủ lưu trữ đám mây để duy trì hoạt động website ksbt Khanh Hoa.vn (VPS Cloud SSD –Windows Server 2019); Thông số: - CPU: 05 vCores; SSD : 80GB - RAM : 04GB; IP tĩnh: 01 - Bảng thông truy cập: Không giới hạn		15.271,0		15.271,0	15.271,0
f	Thanh toán dịch vụ tài khoản quản trị tên miền website: ksbt Khanh Hoa.vn và duy trì tên miền ksbt Khanh Hoa.vn năm 2025 (1 năm/ 1.500.000đ)		1.500,0		1.500,0	1.500,0
g	Chi phí khác (Đặt mua Báo Khánh Hòa, SKĐS); thực hiện hoạt động tuyên truyền các sự kiện được chỉ đạo đột xuất; Chi phí xin giấy phép xuất bản tài liệu truyền thông, mua băng quay...)		35.509,0		35.509,0	29.630,0

STT	Nội dung hoạt động	Dự toán năm 2024 chuyển sang năm 2025	Dự toán năm 2025	KP cấp bổ sung từ nguồn CTMTYTDS chuyển thành NVTX của NSDP	Tổng cộng KP được sử dụng năm 2025	Kinh phí sau điều chỉnh
h	<i>In tài liệu truyền thông (áp phích) 2.800 tờ * 9.000đ/tờ</i>	25.200,0			25.200,0	25.200,0
i	<i>Đào tạo kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe: đối tượng không hưởng lương (02 lớp * 22.638.165đ/lớp)</i>	45.276,3			45.276,3	24.875,2
j	<i>Phối hợp với Báo và Phát thanh truyền hình Khánh Hòa thực hiện tọa đàm phòng chống dịch bệnh sau mùa bão lũ.</i>					48.000,0
5	Kinh phí phòng, chống sốt rét	768.774,3	400.000,0		1.168.774,3	643.026,9
	Chi hỗ trợ người cho máu tìm ký sinh trùng sốt rét toàn tỉnh. (10.000đ/lần x 7.600 lam)	-	60.000,0		60.000,0	76.000,0
	Chi hỗ trợ người lấy lam máu và thực hiện xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét toàn tỉnh (7.000đ/ lần x 7.600 lam)	-	42.000,0		42.000,0	53.200,0
	Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh tuyến tỉnh (5.000 đ/mẫu x 300 mẫu)	-	2.500,0		2.500,0	1.500,0
	Chi hỗ trợ người làm môi và người đi bắt muỗi đêm. (10 lượt điều tra x 4 đêm x 10 công/đêm x 130.000 đ/công)	26.000,0	52.000,0		78.000,0	52.000,0
	Giám sát, điều tra xác minh dịch sốt rét các tuyến.	17.500,0	35.000,0		52.500,0	63.000,0
	Mua hoá chất, vật tư PCSR (Kem xua, màn một đỉnh, hoá chất diệt muỗi, Giem sa, Dầu bạch hương, bông gòn, kim chích, lam kính,...)	250.000,0	100.000,0		350.000,0	80.000,0
	Truyền thông sốt rét + TTKSBT (băng rôn truyền thông 25/4,...)	-	5.000,0		5.000,0	1.000,0
	Điều tra thống kê các chỉ số Sốt rét toàn tỉnh + TTKSBT Chỉ tiêu kế hoạch 15 lượt điều tra (Công tác phí, khoán ngủ, vật tư, xăng xe) Công tác phí: 71.700,000đ Khoán ngủ: 76.500,000đ Vật tư (Đèn pin, pin đại, pin tiểu): 18.150.000đ Xăng xe (Ô tô, xe máy): 27.900.000đ	51.750,0	103.500,0		155.250,0	194.250,0

STT	Nội dung hoạt động	Dự toán năm 2024 chuyển sang năm 2025	Dự toán năm 2025	KP cấp bổ sung từ nguồn CTMTYTDS chuyển thành NVTX của NSDP	Tổng cộng KP được sử dụng năm 2025	Kinh phí sau điều chỉnh
	Vận chuyển (vật tư, hoá chất, hàng tài trợ)	20.000,0			20.000,0	-
	Giám sát, kiểm tra tẩm màn, phun hóa chất (miền núi và đồng bằng) tuyển tỉnh	24.000,0			24.000,0	16.000,0
	Điểm kính hiển vi + Giám sát, kiểm tra điểm kính hiển vi toàn tỉnh: 20 lượt + 02 lớp Tập huấn điểm kính hiển vi các tuyến toàn tỉnh. (50 người/lớp x 15.000.000đ x 02 lớp)	81.000,0			81.000,0	27.552,6
	Giám sát điều trị BV, PK, TYT xã toàn tỉnh; Giám sát Hồ sơ LTSR: a) CTP b) Xăng xe ô tô	12.000,0			12.000,0	9.000,0
	Chi khác: + Ngoài giờ (lấy lam cộng đồng, soi lam máu, điều tra, giám sát, cán bộ bắt muỗi đêm,..) + Hội nghị tổng kết chương trình sốt rét. + Khoản chi khác phát sinh trong khi thực hiện chương trình.	211.524,3			211.524,3	51.524,3
	Các lớp tập huấn phòng chống sốt rét (100 người/lớp x 03 lớp)	75.000,0			75.000,0	18.000,0
6	Kinh phí dinh dưỡng		200.000,0		200.000,0	200.000,0
	Đào tạo tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng chống suy dinh dưỡng và hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật tuyến dưới		37.400,0		37.400,0	37.400,0
	Kiểm tra, giám sát “Ngày vi chất dinh dưỡng” và uống bổ sung liều cao Vitamin A (đợt 1/năm)		10.000,0		10.000,0	10.000,0
	Kiểm tra, giám sát Tuần lễ dinh dưỡng và phát triển từ 16 - 23/10/2025		-		-	-
	Điều tra đánh giá tình trạng dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em (Điều tra 30 cụm) cân đo và điều tra dinh dưỡng cho 1.530 trẻ dưới 5 tuổi tại 30 xã/phường do Viện Dinh dưỡng chọn ngẫu nhiên		142.600,0		142.600,0	142.600,0

STT	Nội dung hoạt động	Dự toán năm 2024 chuyển sang năm 2025	Dự toán năm 2025	KP cấp bổ sung từ nguồn CTMTYTDS chuyển thành NVTX của NSDP	Tổng cộng KP được sử dụng năm 2025	Kinh phí sau điều chỉnh
	In ấn tài liệu truyền thông		10.000,0		10.000,0	10.000,0
7	Kinh phí sức khỏe môi trường - Y tế trường học	94.288,3	164.188,0		258.476,3	84.953,0
	Giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các đơn vị cấp nước	84.288,3	120.828,0		205.116,3	63.000,0
	Giám sát vệ sinh môi trường tại các cơ sở y tế (43 cơ sở)		23.760,0		23.760,0	14.760,0
	Tập huấn (phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, đảm bảo nước sạch và vệ sinh môi trường trong mùa bão lũ; công tác bảo vệ môi trường, quản lý chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế; công tác nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu trong ngành y tế (TC 03 lớp).		19.600,0		19.600,0	4.253,0
	Hội nghị tổng kết công tác giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	10.000,0			10.000,0	2.940,0
8	Kinh phí phòng chống tai nạn thương tích		21.000,0		21.000,0	13.780
	Tập huấn công tác tai nạn thương tích (01 lớp)		6.000,0		6.000,0	4.280,3
	Sản xuất tài liệu truyền thông về phòng chống tai nạn thương tích		15.000,0		15.000,0	9.500,0
9	Kinh phí hoạt động phòng, chống Bệnh nghề nghiệp	982,8	19.950,0		20.932,8	11.520,0
	Tập huấn công tác lao động và giao ban y tế (04 lớp)		15.050,0		15.050,0	11.250,0
	Công tác truyền thông, tuyên truyền	982,8	4.900,0		5.882,8	270,0
10	Kinh phí hoạt động xét nghiệm	40.000,0			40.000,0	25.000,0
	Kinh phí tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật xét nghiệm phòng chống dịch (công tác phí, kinh phí đi lại....)	20.000,0			20.000,0	10.000,0
	Kinh phí tham gia ngoại kiểm các kỹ thuật xét nghiệm phòng chống dịch, hiệu chuẩn, bảo trì, bảo dưỡng các TTB phòng chống dịch (sốt xuất huyết, sốt rét, HIV....)	20.000,0			20.000,0	15.000,0

STT	Nội dung hoạt động	Dự toán năm 2024 chuyển sang năm 2025	Dự toán năm 2025	KP cấp bổ sung từ nguồn CTMTYTDS chuyển thành NVTX của NSDP	Tổng cộng KP được sử dụng năm 2025	Kinh phí sau điều chỉnh
11	Kinh phí dự phòng dịch bệnh khác	382.311,1	398.407,0		780.718,1	1.775.521,4
B	KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ	522.068,6	1.147.400,0	115.400,0	1.784.868,6	1.784.868,6
1	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	153.180,8			153.180,8	153.180,8
	<i>Nguồn Trung ương</i>	<i>51.598,8</i>			<i>51.598,8</i>	<i>51.598,8</i>
	Đào tạo tập huấn tăng cường kiến thức, năng lực cho cán bộ y tế, người cung cấp dịch vụ tại các tuyến về chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời. (Tập huấn cho 20 xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại 3 huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh và Cam Lâm, 02 đợt/năm)	38.298,8			38.298,8	38.298,8
	Giám sát và hỗ trợ kỹ thuật Triển khai mô hình Chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời tại 20 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (đợt 2)	13.300,0			13.300,0	13.300,0
	<i>Nguồn địa phương</i>	<i>101.582,0</i>			<i>101.582,0</i>	<i>101.582,0</i>
	Giám sát và hỗ trợ kỹ thuật Triển khai mô hình Chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời tại 20 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (đợt 1)	18.582,0			18.582,0	18.582,0
	Tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em	83.000,0			83.000,0	83.000,0
2	Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững	368.887,8			368.887,8	368.887,8
	-0473: Hỗ trợ phát triển sx, cải thiện dinh dưỡng	368.887,8			368.887,8	368.887,8
	Mua sản phẩm dinh dưỡng cấp miễn phí cho trẻ em từ 6-59 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi	118.094,4			118.094,4	118.094,4
	Mua sản phẩm dinh dưỡng cấp miễn phí cho trẻ em từ 5 tuổi đến dưới 16 tuổi bị suy dinh dưỡng (ưu tiên suy dinh dưỡng thấp còi)	217.412,6			217.412,6	217.412,6

STT	Nội dung hoạt động	Dự toán năm 2024 chuyển sang năm 2025	Dự toán năm 2025	KP cấp bổ sung từ nguồn CTMTYTDS chuyển thành NVTX của NSDP	Tổng cộng KP được sử dụng năm 2025	Kinh phí sau điều chỉnh
	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em, về các nội dung chuyên môn để phục vụ hoạt động của chương trình	33.380,8			33.380,8	33.380,8
3	Chương trình nha học đường		180.000,0		180.000,0	180.000,0
	Truyền thông Nha học đường, tư vấn hướng dẫn vệ sinh răng miệng đúng cách (40 trường)		40.560,0		40.560,0	22.560,0
	Tập huấn, truyền thông nâng cao năng lực về hoạt động y tế trường học, công tác nha học đường (02 lớp)		14.400,0		14.400,0	12.600,0
	Sản xuất tài liệu truyền thông về phòng chống các bệnh tật trong trường học, vệ sinh môi trường trong trường học		45.000,0		45.000,0	25.000,0
	Giám sát công tác Y tế trường học (58 trường)		60.300,0		60.300,0	30.267,8
	Tham gia hội nghị, hội thảo, tập huấn ngoài tỉnh - Các hoạt động khác		19.740,0		19.740,0	-
	Kinh phí dự phòng-đề nghị giảm dự toán					89.572,2
4	Kinh phí lễ tết		210.600,0		210.600,0	210.600,0
5	Bảo hiểm cháy nổ		49.800,0		49.800,0	49.800,0
6	Chương trình ISO cho Y học dự phòng		207.000,0		207.000,0	207.000,0
	Đánh giá giám sát (chu kỳ 1 năm/lần)		45.000,0		45.000,0	22.000,0
	Hiệu chuẩn, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị		50.000,0		50.000,0	50.000,0
	Tham gia ngoại kiểm		10.000,0		10.000,0	-
	Hóa chất, sinh phẩm		30.000,0		30.000,0	-
	Vật tư tiêu hao, công cụ, dụng cụ triển khai xét nghiệm		20.000,0		20.000,0	-
	Đào tạo (học phí, công tác phí...)		50.000,0		50.000,0	50.000,0
	Văn phòng phẩm (giấy A4, bút...)		2.000,0		2.000,0	-
	Kinh phí dự phòng-đề nghị giảm dự toán					85.000,0
7	KP thực hiện điều trị Methadone (thuốc)		355.000,0		355.000,0	355.000,0
	Mua thuốc điều trị Methadone					171.000,0
	Kinh phí dự phòng-đề nghị giảm dự toán					184.000,0

STT	Nội dung hoạt động	Dự toán năm 2024 chuyển sang năm 2025	Dự toán năm 2025	KP cấp bổ sung từ nguồn CTMTYTDS chuyển thành NVTX của NSDP	Tổng cộng KP được sử dụng năm 2025	Kinh phí sau điều chỉnh
8	KP mua thẻ BHYT cho bệnh nhân AIDS		145.000,0		145.000,0	145.000,0
	Kinh phí dự phòng-đề nghị giảm dự toán					145.000,0
9	Kinh phí hoạt động chương trình Tiêm chủng mở rộng			59.360,0	59.360,0	59.360,0
	Chỉ giám sát điều tra những trường hợp nghi sởi - rubella, nghi uốn ván sơ sinh, nghi viêm não Nhật Bản, chết sơ sinh (tiền giám sát/phiếu điều tra, công tác phí trên 10km, tiền ngoài giờ (thứ 7, chủ nhật, lễ, tết)			14.000,0	14.000,0	-
	Chỉ giám sát, điều tra liệt mềm cấp			4.800,0	4.800,0	-
	Hỗ trợ công tác khám sàng lọc (khám và phục vụ)			24.960,0	24.960,0	-
	Hỗ trợ tiền công tiêm chủng			15.600,0	15.600,0	-
	Kinh phí dự phòng-đề nghị giảm dự toán					59.360,0
10	Kinh phí hoạt động phòng, chống HIV/AIDS			12.000,0	12.000,0	12.000,0
	Mua thuốc điều trị dự phòng sau phơi nhiễm HIV (PEP)			12.000,0	12.000,0	-
	Kinh phí dự phòng-đề nghị giảm dự toán					12.000,0
11	Kinh phí chương trình chiến lược Quốc gia Dinh dưỡng			24.240,0	24.240,0	24.240,0
	Kiểm tra, giám sát “Ngày vi chất dinh dưỡng” và uống bổ sung liều cao Vitamin A (đợt 2/năm)			10.000,0	10.000,0	-
	Kiểm tra, giám sát Tuần lễ dinh dưỡng và phát triển từ 16 - 23/10/2025			10.200,0	10.200,0	-
	Điều tra đánh giá tình trạng dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em (Điều tra 30 cụm) cân đo và điều tra dinh dưỡng cho 1.530 trẻ dưới 5 tuổi tại 30 xã/phường do Viện Dinh dưỡng chọn ngẫu nhiên			4.040,0	4.040,0	-
	Kinh phí dự phòng-đề nghị giảm dự toán					24.240,0

STT	Nội dung hoạt động	Dự toán năm 2024 chuyển sang năm 2025	Dự toán năm 2025	KP cấp bổ sung từ nguồn CTMTYTDS chuyển thành NVTX của NSDP	Tổng cộng KP được sử dụng năm 2025	Kinh phí sau điều chỉnh
12	Kinh phí PC tác hại rượu bia			19.800,0	19.800,0	19.800,0
	Tập huấn triển khai các hoạt động phòng, chống tác hại của rượu, bia			4.800,0	4.800,0	4.800,0
	Tuyên tỉnh giám sát PCTHCRB tuyến Bệnh viện, xã (2 đợt/năm, 2 xã/1 ngày)			15.000,0	15.000,0	15.000,0
	- Đợt 1: Giám sát, hỗ trợ hướng dẫn công tác khám sàng lọc, truyền thông...			2.040,0	2.040,0	2.040,0
	- Đợt 2: Kiểm tra, giám sát kết quả triển khai các hoạt động (1 ngày/2 xã)			2.280,0	2.280,0	2.280,0
	- Xăng xe, phí cầu đường giám sát 2 đợt			10.680,0	10.680,0	10.680,0